

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 NĂM HỌC 2023 – 2024

Môn: Ngữ văn; Khối: 10

A – GIỚI HẠN CHƯƠNG TRÌNH:

Năng lực đọc và viết:

- **Năng lực đọc (6 điểm):** Phạm vi tri thức Đọc hiểu thuộc Bài 3,4.

- **Năng lực viết (4 điểm):**

+ Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

+ Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen.

B - HÌNH THỨC KIỂM TRA: Tự luận.

C – YÊU CẦU CẦN ĐẠT

I. Phần Đọc hiểu (6 điểm)

1. Văn nghị luận

a. Nhận biết:

- Nhận biết được luận đề chính trong văn bản.
- Nhận biết được luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.
- Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.
- Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.

b. Thông hiểu:

- Xác định được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản.
- Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết.
- Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

c. Vận dụng:

- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.
- Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả.

d. Vận dụng cao:

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hóa để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.
- Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

2. Sử thi

a. Nhận biết:

- Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.
- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.
- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.
- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.

b. Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích/tác phẩm.
- Phân tích được những đặc điểm của nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong đoạn trích/tác phẩm.
- Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.
- Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.

- Lí giải được tác dụng của việc lựa chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.
- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của sử thi.
- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật, sự kiện trong sử thi.

c. Vận dụng:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.

d. Vận dụng cao:

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.
- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.
- Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm sử thi thuộc những nền văn học khác nhau.

II. Phân Viết (4 điểm)

1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (thuyết phục người khác từ bỏ một quan niệm, thói quen)

Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu:

a. Mở bài: Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.

b. Thân bài:

- Chỉ ra được các biểu hiện hoặc khía cạnh của thói quen hay quan niệm đó đối với cá nhân và cộng đồng.
- Phân tích những lí do nên từ bỏ thói quen hay quan niệm đó.
- Đề xuất cách từ bỏ và các bước từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp.

b. Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm đã đề cập.

2. Viết bài nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ

Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu:

a. Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm thơ được chọn; nêu vấn đề chính sẽ được tập trung phân tích, đánh giá trong bài viết.

b. Thân bài:

- Phân tích, đánh giá được những nét đặc sắc, độc đáo của một tác phẩm thơ như từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cảm xúc của nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ...
- Đánh giá được nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với các tác phẩm khác có cùng đề tài, chủ đề, thể loại.

c. Kết bài: Khẳng định giá trị tư tưởng, giá trị thẩm mỹ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ.

I. Ma trận đề kiểm tra

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Thành thạo và sử thi	2 (20%)	3 (25%)	1 (10%)	1 (5%)	60
		Văn nghị luận					
2	Viết	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích/tác phẩm văn học	1* (5%)	1* (20%)	1* (10%)	1* (5%)	40
		Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm					
Tỉ lệ%			25%	45%	20%	10%	100
Tổng			70%		30%		

Lưu ý:

Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*

II. Đề tham khảo

Họ và tên học sinh:..... Lớp:.....

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

SỰ TRUNG THỰC CỦA TRÍ THỨC

Theo nghĩa truyền thống, kẻ sĩ là một người có học. Có học nên biết lẽ phải trái để “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cái dũng của họ không phải cái dũng chém tướng đoạt thành mà là hệ quả của cái trí, nhằm làm sáng tỏ đạo thánh hiền. Đó là một công việc khó khăn, thậm chí nguy hiểm. Không phải lúc nào cũng có một Chu Văn An trước sự lộng hành của đám sùng thần, dám dâng thất trăm sớ và sau khi bị khước từ, kiên quyết từ quan về dạy học. Không phải lúc nào cũng có thái sử Bá thời Xuân Thu. Thôi Trữ sau khi giết vua Tề, ra lệnh cho thái sử Bá phải ghi vào sử: “Tề Trang Công bị bạo bệnh mà chết”. Bá ghi: “Năm Ất Hợi, tháng Năm, Thôi Trữ giết vua”. Thôi Trữ nổi giận, lôi Bá ra chém. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn không thích từ “kẻ sĩ” lắm. Có lẽ do màu sắc hơi “hoài cổ” của nó chăng? Đạo thánh hiền quả là cao quý và đáng trân trọng nhưng nó là một cái gì đã có. Kẻ sĩ thời nay chính là những trí thức do tính rộng mở của từ này. Nhất là vào thời đại nền kinh tế tri thức phát triển với sự bùng nổ của khoa học, đặc biệt ngành tin học. Người trí thức không những tôn trọng thánh hiền mà còn là kẻ dám mày mò vào cõi không biết, đấu tranh với những định kiến của hiện tại để phát hiện những sự thật cho tương lai.

Một nước đang phát triển như nước ta cần nhanh chóng đào tạo một đội ngũ trí thức đông đảo để khỏi tụt hậu. Muốn vậy chúng ta phải lập cho được một môi trường lành mạnh trên nền tảng sự trung thực trí thức. Ít lâu nay báo chí nói nhiều đến nạn bằng giả. Đó là một hiện tượng xã hội nghiêm trọng, cần phải loại bỏ. Nhưng theo tôi, nó không nghiêm trọng bằng hội chứng “bằng thật, người giả” vì hội chứng này có nguy cơ gây sự lẫn lộn trong hệ giá trị và làm ô nhiễm môi trường đạo đức một xã hội trung thực, trong đó thật/giả phải được phân định rạch ròi và minh bạch. Chúng ta thường nói nhiều đến tài năng và trí thức. Nhưng tài năng và trí thức chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực.

(Trích *Đối thoại với đời & thơ*, Lê Đạt, NXB Trẻ, 2008, tr.14-15)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định luận đề của văn bản trên.

Câu 2. Để làm nổi bật luận điểm: *Kẻ sĩ phải là một người có học, biết lẽ phải*, tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào?

Câu 3. Đoạn văn sau có vai trò gì trong văn bản: *Muốn vậy chúng ta phải lập cho được một môi trường lành mạnh trên nền tảng sự trung thực trí thức. Ít lâu nay báo chí nói nhiều đến nạn bằng giả. Đó là một hiện tượng xã hội nghiêm trọng, cần phải loại bỏ.*

Câu 4. Theo anh/chị, mục đích của việc so sánh “kẻ sĩ ngày xưa” và “trí thức ngày nay” trong văn bản trên để làm gì?

Câu 5. Vì sao tác giả cho rằng: “*Tài năng chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực*”?

Câu 6. Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với anh/chị sau khi đọc văn bản trên? Vì sao?

Câu 7. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4-7 dòng) phát biểu suy nghĩ của anh/chị về vai trò của hiền tài trong xã hội.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Một người bạn của em hay coi thường những người có hoàn cảnh khó khăn. Em hãy viết một bài luận để thuyết phục bạn từ bỏ quan niệm này.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

----- Hết -----

V. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TÔN THẤT TÙNG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 – 2024

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, Lớp: 10

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Luận đề: Bàn về sự trung thực của trí thức. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh không trả lời đúng như đáp án: không cho điểm.	1.0
	2	Bằng chứng: Chu Văn An và thái sử Bá thời Xuân Thu. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời được ½ đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trích nguyên đoạn: “Không phải lúc nào...lôi Bá ra chém” vẫn cho trọn điểm.	1.0
	3	Vai trò: Là lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ cho luận điểm Một nước đang phát triển như nước ta cần nhanh chóng đào tạo một đội ngũ trí thức đông đảo để khởi tụt hậu. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - HS chỉ trả lời: là lí lẽ hoặc dẫn chứng: 0,5 điểm - Học sinh trả lời hợp lí, có cách diễn đạt tương đương về nghĩa: 0,75 điểm	0,75
	4	Mục đích của việc so sánh kẻ sĩ xưa và trí thức ngày nay nhằm: Làm nổi bật điểm mới, vai trò quan trọng của trí thức ngày nay so với trí thức thời xưa. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh có cách diễn đạt tương đương và hợp lý: vẫn cho trọn điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: không cho điểm.	0,75
	5	Vì một xã hội trung thực mới thực sự coi trọng những giá trị và tôn vinh tài năng thực tế của mỗi cá nhân. - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh có cách diễn đạt tương đương và hợp lý: vẫn cho trọn điểm. - Học sinh trả lời chung chung, chưa rõ các ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: không cho điểm.	1,0

	6	HS lí giải hợp lý, thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức, xã hội Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời thuyết phục: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời chung chung, chưa rõ các ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: không cho điểm.	1.0
	7	- Viết đoạn văn rõ ràng, rành mạch, đúng cấu trúc. - Nêu được suy nghĩ của bản thân về vai trò của hiền tài.	0,5
II		PHẦN VIẾT	4,0
	2	Viết một bài luận để thuyết phục người khác từ bỏ một quan niệm, thói quen.	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nêu rõ thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; mục đích lí do viết bài luận. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định sai vấn đề nghị luận: 0 điểm.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: – Trình bày được các luận điểm: tác hại của thói quen/quan niệm, lợi ích của việc từ bỏ thói quen/quan niệm, những gợi ý về giải pháp thực hiện. – Sử dụng lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục, có lí, có tình. – Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày đầy đủ các ý, thuyết phục: 2,0 điểm. - Học sinh trình bày chưa đầy đủ hoặc ý đầy đủ nhưng chưa thuyết phục: 1,75 – 1,5 điểm - Học sinh trình bày chung chung, chưa rõ các ý: 1,0 – 1,25 điểm. - Học sinh trình bày sơ lược, không rõ các ý: 0,25 điểm - 0,75 điểm. - HS khuyết tật: chỉ cần đáp ứng được yêu cầu 1: 2,0 điểm. - HS khuyết tật: trình bày chung chung, không rõ các ý trong yêu cầu 1: 1,0 – 1,5 điểm.	2.0
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5

	<p>Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. Không trừ điểm HS khuyết tật</p>	
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Lập luận chặt chẽ; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc. Hướng dẫn chấm: Học sinh biết đưa dẫn chứng, lí lẽ thuyết phục; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, rõ ràng. - Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. Không trừ điểm HS khuyết tật</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

VI. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....Hết.....